

Số: /TM-TTYT

Lạc Thủy, ngày 16 tháng 4 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý các đơn vị nhà thầu.

Hiện nay, TTYT khu vực Lạc Thủy đang chuẩn bị thực hiện việc mua sắm trang thiết bị y tế năm 2026; Vì vậy, TTYT khu vực Lạc Thủy mời các đơn vị nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm gửi hồ sơ báo giá cho TTYT khu vực Lạc Thủy, nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung thực hiện: Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2026

(Nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Mục tiêu, quy mô thực hiện: Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2026

3. Thời gian khảo sát và nộp báo giá: 10 ngày kể từ ngày ký và đăng tải thư mời báo giá.

TTYT khu vực Lạc Thủy mời các đơn vị nhà thầu báo giá Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2026 theo phụ lục đính kèm.

Quý đơn vị vui lòng gửi báo giá bản cứng hoặc bản mềm PDF

(Chi tiết xin liên hệ: + Vũ Quỳnh Nga - SĐT: 0987533923)

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý các đơn vị nhà thầu để TTYT khu vực Lạc Thủy hoàn thành được nội dung này.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, ĐTMS.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đăng

PHỤ LỤC: HẠNG MỤC CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 16/4/2026 của TTYT khu vực Lạc Thủy)

STT	Tên trang thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng
1	<p>MÁY GÂY MÊ KÈM THỞ TRỘN KHÍ ĐIỆN TỬ, CÓ THEO DỠI KHÍ MÊ</p> <p>Tính năng chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Năm sản xuất máy chính: 2025 trở về sau- Chất lượng: Máy mới 100%- Tiêu chuẩn chất lượng: Có chứng chỉ chất lượng ISO 13485- Nhiệt độ tối đa cho phép vận hành 35°C.- Độ ẩm tối đa cho phép vận hành 80% <p>Xuất xứ: G7</p> <p>Phụ kiện tiêu chuẩn, cấu hình bao gồm:</p> <p>Máy gây mê kèm máy thở với xe đẩy đồng bộ: 01 Máy</p> <p>Khô đo khí mê với cảm biến oxy từ tính tích hợp trong máy chính: 01 Cái</p> <p>Bộ sưởi ẩm đường thở tích hợp trong máy: 01 Bộ</p> <p>Bình bốc hơi Sevoflurane/Isoflurane: 02 bình</p> <p>Bộ lưu lượng kế oxy kèm bộ gá lên máy chính: 01 Bộ</p> <p>Bình hấp thụ thán khí CO2: 01 Cái</p> <p>Ắc quy tích hợp trong máy: 01 Cái</p> <p>Bộ dây thở kèm bóp bóng sử dụng nhiều lần cho người lớn: 01 Bộ</p> <p>Bộ dây thở kèm bóp bóng sử dụng nhiều lần cho trẻ em: 01 Bộ (Mua tại Việt Nam)</p> <p>Mặt nạ gây mê sử dụng nhiều lần cho người lớn: 01 Cái (Mua tại Việt Nam)</p> <p>Mặt nạ gây mê sử dụng nhiều lần cho trẻ em: 01 Cái (Mua tại Việt Nam)</p> <p>Phổi giả để thử máy: 01 Cái (Mua tại Việt Nam)</p> <p>Dây dẫn cấp khí O2: 01 Cái</p> <p>Dây dẫn cấp khí nén: 01 Cái</p> <p>Bộ thu hồi khí gây mê chủ động: 01 Bộ</p> <p>Bẫy nước cho đầu cấp khí nén : 01 Cái</p> <p>Bẫy nước cho khối đo khí mê: 12 Cái</p> <p>Dây trích khí lấy mẫu: 12 Cái</p> <p>Vôi sô đa: 4.5 kg (Mua trong nước)</p> <p>Tài liệu hướng dẫn sử dụng TA + TV: 01 Bộ</p> <p>Máy nén khí y tế: 01 cái</p> <p>Chỉ tiêu kỹ thuật, mục đích sử dụng:</p> <p>Gây mê giúp thở cho bệnh nhân: Người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh và sơ sinh non.</p> <p>I.Máy gây mê kèm máy thở với xe đẩy đồng bộ</p> <p>1.Máy gây mê</p> <ul style="list-style-type: none">- Là hệ thống máy gây mê giúp thở cho bệnh nhân: Người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh và sơ sinh non.- Máy gây mê phải có khả năng gây mê dòng thấp	Chiếc	1

	<p>(Low flow) và gây mê dòng tối thiểu (Minimal flow)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống điều khiển và trộn khí sạch bằng điện tử cho O₂ và khí nén - Dải cài đặt nồng độ O₂: 21 ÷ 100% - Cài đặt lưu lượng khí sạch : 0,2 ÷ 18 L/phút hoặc Tắt - Có bộ cấp lưu lượng ôxy khẩn cấp điều chỉnh bằng cơ sử dụng khi bộ trộn khí điện tử bị lỗi - Có nút cung cấp Oxy nhanh lưu lượng ≥ 35L/phút - Có cổng ra khí sạch để kết nối với hệ thống gây mê nửa hở - Khối thở kết nối bệnh nhân tích hợp bộ sưởi ẩm khí đường thở - Bình hấp thụ thán khí CO₂ dung tích 2,0 lít (giới hạn khi nạp 1,75 lít) - Có khả năng thay bình hấp thụ thán khí CO₂ ngay cả khi máy đang vận hành - Cảm biến đo lưu lượng khí thở vào và thở ra sử dụng công nghệ sợi nhiệt và có thể hấp ướt tiết trùng được - Có van an toàn cho phép điều chỉnh áp lực xả khí quá áp - Có các van an toàn tự động để bảo vệ bệnh nhân trong trường hợp có sự cố nguy hiểm từ nguồn khí áp lực cao và áp lực âm - Cho phép lắp đồng thời O₂ bình bốc hơi và có cơ cấu khóa chỉ cho phép 1 bình bốc hơi được sử dụng tại một thời điểm - Có chức năng theo dõi bằng điện tử hiệu quả sử dụng khí sạch với 3 mức được chỉ thị bằng 3 màu sắc khác nhau: (Đỏ: Gây mê thiếu khí O₂; Xanh: Gây mê đủ khí O₂; Vàng: Gây mê thừa khí O₂) <p>2. Máy giúp thở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy thở được điều khiển hoàn toàn bằng điện tử theo nguyên lý vận hành bằng áp lực khí & lồng xếp - Có chế độ tự kiểm tra máy khi khởi động và chức năng kiểm tra toàn bộ hệ thống - Các phương thức thông khí, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Thở bóp bóng bằng tay/ Bệnh nhân tự thở + Thông khí kiểm soát thể tích (IMV) + Thông khí kiểm soát thể tích, bắt buộc ngắt quãng đồng thì (S-IMV) + Thông khí kiểm soát áp lực (PCV) + Thông khí kiểm soát áp lực, bắt buộc ngắt quãng đồng thì (S-PCV) + Thông khí kiểm soát áp lực đảm bảo thể tích 		
--	--	--	--

(Volume guarantee for PCV mode)
+ Thông khí hỗ trợ áp lực khi thở tự nhiên (PSV)
+ Chế độ thông khí dành cho máy tim phổi nhân tạo (HLM)

- Có chức năng bù giãn nở để đảm bảo thể tích khí lưu thông được cài đặt trong thông khí kiểm soát thể tích
- Lưu lượng thở vào cực đại cho bệnh nhân 180 lít/phút
- Có thể lựa chọn phương thức nhập cân nặng lý tưởng bệnh nhân để máy tự động tính toán các thông số thông khí phù hợp

3. Các thông số cài đặt:

- Thể tích khí lưu thông (Vt): 3 tới 1600 mL ($\leq 5 - \geq 1500$ mL)
- Tần số thở: 4 tới 100 nhịp/phút
- Thời gian thở vào : 0.2 tới 10.0 giây
- Tỷ lệ hít vào/thở ra (I: E): 1: 4 tới 4: 1.
- Áp lực thở vào: 5 tới 60 mbar
- Áp lực giới hạn cực đại: 10 tới 80 mbar
- Mức cài đặt PEEP: Tắt, 1 tới 20 mbar
- Cài đặt % thời gian thở vào ứng với áp lực đường thở bình nguyên: Tắt, 10 ÷ 50% (với các thông khí kiểm soát thể tích); 10 ÷ 90% (với các thông khí kiểm soát áp lực)
- Ngưỡng phát hiện tự thở Trigger: 0.1 tới 10.0 lít/phút
- Thời gian phát hiện ngưng thở và chuyển sang chế độ thở thông khí dự phòng: 4, 6, 8, 10, 15, 30, 45 giây trong chế độ PSV

4. Theo dõi và báo động:

- Màn hình phải là loại hiển thị màu, cảm ứng 15 inchs
- Các thông số theo dõi gồm:
 - + Áp lực đường thở (Áp lực đỉnh, trung bình, áp lực bình nguyên, PEEP, CPAP)
 - + Thể tích khí lưu thông thở vào, thở ra VTi, VTe
 - + Thể tích thở ra mỗi phút MV
 - + Tần số thở theo máy, tần số thở tự nhiên
 - + Tỷ lệ thở nhịp thở tự nhiên %Spont.
 - + Thời gian thở vào, thở ra, I:E
 - + Thời gian thở vào tự nhiên
 - + % Dò rỉ khí
 - + Lưu lượng O2 hiệu dụng
 - + Theo dõi O2 bằng cảm biến từ tính
 - + Nồng độ khí oxy thở vào/ thở ra
 - + Nồng độ thở vào, cuối kỳ thở ra cho khí CO2
 - + Nồng độ thở vào, thở ra cho các loại khí mê (halothane, enflurane, isoflurane, sevoflurane và desflurane)
 - + Nồng độ khí mê tối thiểu trong phế nang (MAC)
 - + Chỉ số phổi căng phồng quá mức C20/C
 - + Độ giãn nở phổi tĩnh/động

- + Sức cản đường thở
- Hiện thị đồng thời tới ≥ 4 đồ thị sóng theo thời gian thực
- Hiện thị đồng thời tới ≥ 4 đồ thị Trend
- Các đồ thị vòng lặp sau loop : Lưu lượng – thể tích, Áp lực – thể tích, lưu lượng – áp lực
- Có 03 mức độ cảnh báo bằng âm thanh và ánh sáng
- Có chức năng tạm dừng báo động trong thời gian khoảng 2 phút
- Cài đặt giới hạn báo động của nồng độ O₂ thở vào: Cao/ Thấp
- Cài đặt giới hạn báo động cho thể tích lưu thông thở ra: Thấp
- Cài đặt được giới hạn báo động của thông khí phút thở ra: Cao/ Thấp
- Cài đặt được giới hạn báo động của áp lực đường thở: Cao
- Cài đặt được giới hạn báo động của nồng độ CO₂ thở vào: Cao
- Cài đặt được giới hạn báo động của nồng độ CO₂ thở ra: Cao/ Thấp
- Cài đặt được giới hạn báo động của nồng độ khí mê (HAL, ENF, ISO, SEV, DES) thở vào: Cao/ Thấp
- Cài đặt được giới hạn báo động theo (%) rò rỉ khí
- Có chức năng tự động cài đặt giới hạn báo động theo các giá trị đo đặc được tại thời điểm hiện tại
- Các cài đặt và báo động trong quá trình thông khí phải được lưu lại và có thể xem lại với ngày giờ và thời gian cụ thể

5. Hệ thống xe đẩy, nguồn điện, nguồn khí cấp:

- Xe đẩy sản xuất đồng bộ chính hãng, 4 bánh xe có phanh hãm
- Tích hợp ≥ 03 ngăn kéo
- Tích hợp bàn ghi chép cho bác sỹ
- Nguồn điện chính : 100 - 240 V (AC), 50/60 Hz, có báo hiệu máy đang dùng nguồn chính trên màn hình
- Tích hợp ắc quy trong với thời gian hoạt động > 100 (≥ 100) phút khi sạc đầy
- Có chỉ thị trạng thái ắc quy đang sạc, đang kích hoạt với mức ắc quy hiện tại, mức ắc quy thấp, ắc quy lỗi, không có ắc quy
- Dải áp lực cho nguồn khí cấp : 2,8 bar ÷ 6.0 bar
- Có hiện thị áp lực nguồn cấp khí ôxy và khí nén trên màn hình

6. Máy nén khí y tế

- Có hệ thống tự động loại bỏ nước
- Chế độ vận hành liên tục
- Lưu lượng khí nén đầu ra: 50 lít/phút tại áp lực 3,5 bar
- Độ ồn: ≤ 50 dB

MÁY THEO DÕI ĐỘ MÊ SÂU
Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA

I. Cấu hình thiết bị

- Máy chính với màn hình cảm ứng hiển thị màu: 01 cái
- Bộ module và cáp theo dõi độ sâu gây mê: 01 bộ
- Module theo dõi bão hoà oxy trong máu SpO2, nhịp mạch, chỉ số tưới máu dưới da: 01 bộ
- Cảm biến theo dõi độ mê: 10 cái
- Bộ cáp và cảm biến theo dõi bão hòa oxy tiêu chuẩn đi kèm: 01 bộ.
- Tài liệu sử dụng (tiếng Anh + tiếng Việt): 01 bộ

II. Đặc tính và thông số kỹ thuật

1. Đặc tính kỹ thuật

- Thiết bị theo dõi các trạng thái của não bộ trong quá trình gây mê, song song với thu thập dữ liệu và xử lý tín hiệu điện não đồ EEG
- Hiển thị đồng thời bốn kênh điện não EEG của thùy trán.
- Chỉ số trạng thái bệnh nhân (PSI) là một tham số điện não EEG được xử lý có liên quan đến các tác nhân gây mê.
- Một màn hình hiển thị mật độ phổ (DSA) chứa cả phổ trái và phải, biểu thị cho năng lượng điện não đồ ở cả hai bên bán cầu não.
- Nhiều chế độ xem màn hình, giúp mở rộng thông tin và cho phép tùy chỉnh trong phòng mổ hoặc phòng hồi sức tích cực.
- Hiển thị: Trạng thái điện cực, dạng sóng điện não đồ EEG, mật độ quang phổ DSA, Chỉ số độ mê PSI, chỉ số điện cơ EMG, Chỉ số triệt tiêu SR, độ nhiễu ARTF
- Hiển thị PSI trong dải từ 0- 100, độ phân giải 1
- Hiển thị chỉ số phần trăm điện cơ EMG từ 0-100%, phát hiện hoạt động của cơ như nghiến răng, nhai. Độ phân giải 1%
- Hiển thị chỉ số phần trăm của độ nhiễu ARTF (Artifact) từ 0 đến 100%. Độ phân giải 1%
- Biên độ phổ DSA (trái và phải): -60 – 40 dB. Độ phân giải ≤ 1 dB
- Có hiển thị trạng thái các điện cực trên cảm biến đang hoạt động
- Cho phép chụp ảnh màn hình tại thời điểm theo dõi và xuất hình ảnh qua cổng kết nối USB.
- Lưu trữ tối đa 20 ảnh chụp màn hình
- Lưu trữ dữ liệu: 96 giờ

2

1

2. Thông số kỹ thuật

2.1. Máy chính hiển thị ROOT:

- Thông tin cơ bản:
- + Nguồn điện: 100 – 240 VAC
- + Công suất tối đa: 65W
- + Kích thước: 27.94 cm x 26.67 cm x 13.97 cm
- + Trọng lượng: 3.63kg
- Màn hình hiển thị:
- + Loại màn hình: Màn hình cảm ứng TFT LCD
- + Độ phân giải: 1280 x 800 pixel
- + Kích thước: 10.1 inch
- + Màu sắc: 24 bit RGB
- Cổng kết nối vật lý:
- + Ethernet, số lượng 01
- + Gọi điều dưỡng, số lượng 01
- + MOC-9, số lượng 03
- + USB 2.0, số lượng 01
- + Iris, số lượng 04
- Kết nối không dây: Wi-fi, Bluetooth
- Thông số pin:
- + Loại pin: Lithium Ion
- + Thời lượng: 4 tiếng
- + Thời gian sạc đầy: 4 tiếng.
- Lưu trữ:
- + Lưu trữ dữ liệu tối đa 96 giờ.
- + Có thể chụp ảnh màn hình, xuất ảnh chụp màn hình qua cổng USB và lưu trữ ảnh chụp màn hình tối đa 20 ảnh.

2.2. Mô-đun theo dõi độ mê sâu Sedline

- Kích thước:
- + Rộng: 33 mm
- + Dài: 102mm
- + Độ dày: 19mm
- Cảm biến theo dõi độ mê:**
- Điện cực được phủ đầy gel, các miếng đệm mềm, các neo dính tối ưu vị trí cảm biến, đảm bảo chất lượng tín hiệu.
- Cáp nối các điện cực bền, dễ uốn dẻo cho phép đặt và định vị lại vị trí linh hoạt
- Hoạt động: 4 kênh
- Điện cực hoạt động: R1, R2, L1, L2
- Điện cực nối đất: CB
- Điện cực tham chiếu: CT
- Thời gian sử dụng: 24 giờ
- Không chứa cao su tự nhiên
- Nhiệt độ bảo quản từ 10 đến 32 độ C

2.3. Mô-đun theo dõi độ bão hòa oxy trong máu, nhịp

mạch, chỉ số tưới máu dưới da

- Thông tin chung:

+ Kích thước: 22.3 cm x 8.9 cm x 4.3 cm

+ Trọng lượng: 0.62 kg

- Dải hiển thị:

+ SpO₂: 0 - 100%

+ PR: 0 - 240 (bpm)

+ Pi: 0.00 – 20

+ PVi: 0 – 100

- Độ chính xác chỉ số SpO₂:

+ Không cử động, SpO₂ trong khoảng 60% đến 80%, trên nhóm người lớn, trẻ em: 3%

+ Không cử động, SpO₂ trong khoảng 70% đến 100%, trên nhóm người lớn, trẻ em: 2%

+ Không cử động, SpO₂ trong khoảng 70% đến 100%, trên nhóm sơ sinh: 3%

+ Cử động, SpO₂ trong khoảng 70% đến 100%, trên tất cả các nhóm đối tượng: 3%

+ Tưới máu kém, SpO₂ trong khoảng 70% đến 100%, trên tất cả các nhóm đối tượng: 2%

- Độ chính xác chỉ số PR:

+ Không cử động: 3 nhịp/ phút

+ Cử động: 5 nhịp/ phút

+ Tưới máu kém: 3 nhịp/ phút

- Độ phân giải:

+ SpO₂: 1%

+ PR: 1 nhịp/ phút

3	<p>Xe đẩy cấp cứu thuốc (xe tiêm đa năng) CẤU HÌNH: - Thân tủ và 4 bánh xe: 01 bộ - Giá đựng đồ: 01 chiếc - Thùng đựng rác: 02 chiếc - Cọc truyền 4 móc: 01 chiếc - Ổ cắm điện dính trên thân xe: 01 Ổ - Chìa khóa tổng các ngăn kéo: 01 Cái - Bình đựng bơm tiêm sau khi sử dụng: 01 cái Thông Số Kỹ Thuật: - Kích thước (Dài 840 x Rộng 495 x Cao 960 mm): ±5 mm - Khung xe được làm bằng thanh nhôm định hình đảm bảo độ bền chắc và thẩm mỹ, an toàn với người sử dụng. - Mặt xe được làm bằng nhựa nguyên khối, có lăn can bằng inox phi 12,7 cao 70mm. - Ngăn kéo được làm bằng thép sơn tĩnh điện, bên trong có gắn các thanh chia khay lớn thành nhiều khay nhỏ. - Xe gồm 5 ngăn kéo (02 ngăn nhỏ, 02 ngăn trung và 01 ngăn lớn). - Tấm cứng thực hiện CRP - Móc để giữ bình oxy 01 cái</p>	Chiếc	20
4	<p>Kìm kẹp clip Polymer nội soi cỡ L Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: nhóm nước G7 - Dài 33cm, đường kính từ 10mm, làm từ thép không gỉ chất lượng cao. - Được mã hóa theo màu sắc phù hợp với clip, cán xoay 360 độ - Chiều dài mũi kìm: 39 ± 0.5mm - Độ mở hàm: 12.8 + 0.2mm - 0.25mm</p>	Chiếc	1
5	<p>Kìm kẹp kim hàm răng cửa chéo với ngàm TC, thẳng Xuất xứ: nhóm nước G7</p>	Chiếc	1
6	<p>Dao mổ điện cao tần (Máy cắt đốt) Cấu hình máy và phụ kiện kèm theo gồm: - Máy chính: 01 chiếc - Tay dao kèm cáp: 01 chiếc - Cáp nối tám bản cực trung tính: 01 chiếc - Bàn đạp chân đôi: 01 chiếc - Bộ điện cực cắt đốt: 05 cái - Cáp kèm kẹp lưỡng cực: 01 cái</p>	Chiếc	1

- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ

Thông số kỹ thuật chung:

- Tất cả các chế độ đều được điều khiển bằng bộ vi xử lý, có màn hình hiển thị kỹ thuật số cho công suất đã chọn
 - Bốn chế độ cắt tinh, hỗn hợp cắt đốt 1, hỗn hợp cắt đốt 2 và hỗn hợp cắt đốt 3 cho đơn cực cắt với hệ số đỉnh HI, 4 chế độ với hệ số đỉnh LOW và chế độ xung (PULSE).
 - Đông máu đơn cực: chế độ đốt phun (Spray), chế độ đốt khô (Desiccate)
 - Hai chế độ Lương cực: Chính xác và Tiêu chuẩn
- Hai chế độ xung (PULSE): PPC và UPE với 5 mức cho
- mỗi chế độ.
 - Âm báo của chức năng cắt và đốt
 - Điều chỉnh công suất tự động phù hợp với điện trở của mô FPA
 - Hệ thống theo dõi sức đề kháng của bệnh nhân (MRPGraph) với tự động chỉ thị kiểu tám bản cực (đơn/ kép)
 - Tự động kiểm tra thiết bị có mã lỗi trên bảng điều khiển
 - Kích hoạt làm việc bằng phím bấm trên tay dao và/hoặc bàn đạp
 - Tương thích để kết nối với thiết bị khí argon
 - Điều khiển từ xa để điều chỉnh nguồn thông qua bàn đạp hoặc tay dao điều khiển bằng tay
 - Có chức năng điều khiển lưu trữ và phục hồi các cài đặt trong bộ nhớ (Program): Trong chức năng gọi lại, tất cả các giá trị năng lượng được chọn trong bất kỳ chức năng nào được chọn, sẽ được ghi nhớ ngay lập tức,

khuyến cho việc quay trở lại các giá trị được chọn trước trở nên dễ dàng.

- Hệ thống báo động và bảo vệ trong trường hợp kết nối tẩm có vấn đề: Hệ thống báo động sẽ cảnh báo nhân viên y tế bằng tín hiệu hình ảnh và âm thanh bất cứ khi nào có lỗi trong kết nối tẩm.
- Hệ thống báo động và bảo vệ M.R.P. Biểu đồ (có màn hình hiển thị đồ họa) cho tẩm tiếp mát đôi, với lệnh tắt máy (shutdown) trong trường hợp kết nối thất bại. Chỉ báo trực quan chất lượng về tiếp xúc của tẩm đôi với da bệnh nhân thông qua 5 thanh LED (biểu đồ thanh).
- Điều chỉnh âm lượng kích hoạt ở mặt trước
- Phím chờ nghỉ
- Công phụ/Kích hoạt
- Đầu nối đèn nền LED

Được xây dựng để loại bỏ nguy cơ sốc và hư hỏng thiết bị

- phát sinh do chất lỏng nhỏ giọt trong quá trình sử dụng. Tiêu chuẩn IPX1

- Màn hình hiển thị 6 mặt số led 7 thanh

Thông số kỹ thuật chi Tiết:

- Công suất lớn nhất cho mỗi chế độ:

+ Cát tinh: 150W (500Ω)

+ Hỗn hợp 1: 150W (500Ω)

+ Hỗn hợp 2: 150W (500Ω)

+ Hỗn hợp 3: 150W (500Ω)

+ Đốt đơn cực đông máu: Khô (DESICCATE), phun (SPRAY): 110W (500Ω)

+ Lưỡng cực chính xác và tiêu chuẩn: 100W (500Ω)

+ Xung cắt (PPC): 110

+ Xung cắt (UPE): 115

	<p>+ Xung đốt (PPC & UPE): 55W</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn cung cấp: 100-240VAC 50-60Hz - Tần số hoạt động: 400Mhz - Kích thước: 28.5x40x10cm - Khối lượng: 4.3kg 		
7	<p>BỘ DỤNG CỤ PHẪU THUẬT TUYẾN GIÁP Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE Cấu hình và Thông số kỹ thuật cho 01 bộ bao gồm: 37 mục và 62 chi tiết</p>	Chiếc	1
8	<p>MÁY XOA BÓP ÁP LỰC HƠI Cấu hình cung cấp: 01 x Máy chính 02 x Bao chân 01 x Bao toàn thân 01 x Hướng dẫn sử dụng</p> <p>TÍNH NĂNG VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA MÁY</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trị liệu chuyên nghiệp trong phòng trị liệu • Bao 6 khoang cho chân, tay, eo và toàn thân • Dải áp suất: 10 ~ 200mg • Phạm vi thời gian: 5 ~ 90 phút • Tự động phát hiện áp suất • Công tắc an toàn khi khẩn cấp • Hiện thị bằng màn cảm ứng • Tùy chọn bỏ qua khi chăm sóc • Cài đặt xoa bóp đảo chiều • 3 Chế độ xoa bóp chính : Chế độ A (Gợn sóng), Chế độ B (Bóp), Chế độ C (Bóp kép) • Điều khiển tốc độ xoa bóp: 1 ~ 6 cấp độ <p>6 CHẾ ĐỘ TRỊ LIỆU (3 chế độ chính + 3 chế độ đảo chiều)</p> <p>+ Chế độ A: Khoang được chọn sẽ bơm hơi và xả hơi tuần tự từ bàn chân lên đến đùi</p> <p>+ Chế độ B: Sau khi tắt cả các khoang được chọn đã bơm hơi tuần tự từ bàn chân đến đùi, các khoang xả hơi cùng lúc</p> <p>+ Chế độ C: Các khoang được chọn sẽ bơm hơi và xả hơi tuần tự hai khoang một lúc</p> <p>+ Chế độ A đảo chiều: Sau khi vận hành chế độ A bình thường 2 lượt thì sẽ đảo chiều một lượt và lặp lại</p> <p>+ Chế độ B đảo chiều: Sau khi vận hành chế độ B bình thường 2 lượt thì sẽ đảo chiều một lượt và lặp lại</p> <p>+ Chế độ C đảo chiều: Sau khi vận hành chế độ C bình thường 2 lượt thì sẽ đảo chiều một lượt và lặp lại</p> <p>CHỈ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN LIỆU PHÁP NÉN ÉP Phù bạch huyết Các bệnh do sự gián đoạn lưu thông máu</p>	chiếc	1

	<p>Cellulite (Phân hủy chất béo) Xoa bóp tay chân cho bà bầu Tê bàn tay bàn chân Lạnh bàn tay bàn chân Giảm căng thẳng Tác dụng tập thể dục Người cao tuổi sức yếu và mệt mỏi Trị liệu mất ngủ Cho cơ thể khỏe mạnh và làn da đàn hồi</p>		
9	<p>MÁY SÓNG NGẮN TRỊ LIỆU Đạt các tiêu chuẩn: ISO 13485, 9001 <u>I.Cấu hình kỹ thuật:</u> - Máy chính: 01 cái - Dây cáp điện : 1 cái - Cầu chì (T6.3AL250V) : 2 cái -Bóng đèn điện tử : 4 cái - Dây đầu ra: 2 cái -Tấm điện cực lớn: 1 cặp -Tấm điện cực trung bình :1cặp -Tấm điện cực bé : 1cặp -Bọc tấm điện cực lớn : 1 cặp -Bọc tấm điện cực trung bình :1 cặp - Bọc tấm điện cực bé : 1 cặp - Đệm ni lớn, :1 cặp -Đệm ni trung bình :1 cặp - Đệm ni bé :1 cặp Cờ lê lục giác :-1 cái -Cầu chì (F1AL250V) : 6 cái - Đèn thử sóng : 1 cặp -Hướng dẫn sử dụng:1 bộ</p> <p><u>II.Thông số kỹ thuật:</u> 1. Công suất đầu vào định mức: 700VA. 2. Công suất đầu ra: Có thể điều chỉnh trong 5 mức độ: 20W, 40W, 60W, 100W and 200W, sai số $\pm 20\%$ 3. Thời gian điều trị: có thể được điều chỉnh theo năm cấp độ: 10 phút, 15 phút, 20 phút, 25 phút, và 30 phút. sai số mỗi mức là $\pm 5\%$, và thời gian làm nóng $\leq 120s$. Sau khi kết thúc điều trị sẽ có còi để báo kết thúc điều trị. 4. Kích thước tổng quát: 430×330×830mm, sai số $\pm 15\%$. 5. Tần số hoạt động: 27.12MHz, sai số $\pm 1.5\%$. 6. Chiều dài dây nối đầu ra: 1100mm, sai số $\pm 10\%$. 7. Chế độ xung: 7.1. Tần số điều chế xung: sóng thưa MF 70Hz, sóng dày đặc DF 350Hz, sai số $\pm 10\%$. 7.2. Dạng sóng điều chế: Sóng vuông. 7.3. Độ rộng xung điều chế: 2,0ms cho sóng thưa, 1,8ms cho sóng dày đặc., sai số $\pm 20\%$. 7.4. Điều biến:: 100%. 8. Cấu hình phụ kiện: bốn ống đèn điện tử, một cặp tấm điện cực lớn, vừa và nhỏ, một cặp đệm ni lớn, vừa và nhỏ và một cặp vỏ vải bọc lớn, vừa và nhỏ 9. Hệ thống quản lý thông minh: Sẽ có âm thanh nhắc</p>	chiếc	1

	<p>nhở và đầu ra sẽ bị ngắt kết nối khi kết thúc điều trị.</p> <p>10. Chế độ điều trị: liên tục và xung để đáp ứng các nhu cầu điều trị khác nhau.</p> <p>11. Thanh đèn báo: biểu thị cường độ đầu ra</p> <p>12. Độ ổn định của công suất đầu ra: Sau khi hoạt động liên tục trong 30 phút, công suất đầu ra thay đổi không được lớn hơn $\pm 10\%$.</p>		
10	<p>DAO BÀO DA (dao gép da)</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>	Cái	1
11	<p>Lưới dao bào da (lưới dao gép da)</p>	cái	10
12	<p>Kìm CẮT CHỈ THÉP CÁN VÀNG</p> <p>Dài 22cm, cán vàng</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>	cái	1
13	<p>KÌM CẮT ĐINH CHUÔI VÀNG</p> <p>Dài 22CM</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>	cái	1
14	<p>Kìm cắt đinh</p> <p>Dài 47cm, 6.0mm</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>	cái	1

** Ghi chú: Báo giá phải là giá đã bao gồm các loại thuế, phí và các loại chi phí liên quan khác (bao gồm cả chi phí vận chuyển và lắp đặt).*